TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 8 - 2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Ông Thượng Văn Kịnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng– Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 323/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm 1987; địa chỉ: đường L, Tổ 57, Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, *có đơn xin giải quyết vắng mặt*.

- *Bị đơn:* Ông N , sinh năm 1985; địa chỉ: đường L, Tổ 57, Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai thống nhất trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn và bị đơn, yêu thương, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 21/10/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau và xảy ra bạo lực gia đình. Đầu năm 2020, nguyên đơn đã làm đơn ly hôn. Tuy nhiên do muốn hàn gắn tình cảm nên đã rút đơn khởi kiện nhưng sau đó các bên cũng không thể hàn gắn tình cảm. Hiện tại các bên đã ly thân được gần một năm. Nay nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về con chung*: Các bên có có 01 (một) con chung N, sinh ngày 28/3/2012. Hiện con chung đang chung sống với nguyên đơn nên đề nghị Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Việc cấp dưỡng nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn*: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên đến thời điểm này bị đơn vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án:*

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng nên phải chịu hậu quả khi từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn. Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện bị đơn đang cứ trú tại: thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn làm đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn yêu thương, tiến đến hôn nhân, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 21/10/2011. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do các bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như kinh tế gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài đến mức nhiều lần xảy ra cãi vã và bạo lực gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng mà nguyên đơn phải cùng con chuyển đi khác sinh sống từ cuối năm 2019. Đầu năm 2020 sau khi làm

đơn khởi kiện ly hôn nhưng mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải. Từ khi ly thân vợ chồng không hòa giải, hàn gắn được tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không có bất cứ ý kiến nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Như vậy có thể khẳng định, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hòa giải. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt đươc. Việc nguyên đơn yêu cầu được ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Hiện đang được nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi các bên ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án con chung đã được Tòa án lấy ý kiến. Nguyện vọng của con chung muốn được chung sống cùng mẹ. Mặt khác, con chung là con gái và chuẩn bị bước vào độ tuổi phát triển có nhiều thay đổi về tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ nhiều hơn. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung chưa thành niên sau ly hôn, sự ổn định tâm lý sinh lý, điều kiện sinh hoạt, học tập nên cần giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Ánh Tuyết đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Tuyển về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Giao bà H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung N, sinh ngày 28/3/2012. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Bà T và ông T đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0041777 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quý